TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HS-ST
Ngày 23 - 3 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Anh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Kim Thuý

Ông Phùng Văn Chúc

- Thư ký phiên toà: Bà Mỹ Linh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 09/3/2023 đối với các bị cáo:

1. **Lê Quý A**, sinh ngày 29 tháng 12 năm 1983; tại: Xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A1 và bà P; có vợ là P1 và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ 27/10/2022 đến ngày 02/11/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

2. **Phạm Văn B**, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1990; tại: Xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B1 và bà Trần Thị L; có vợ là Vũ Thị L1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ 27/10/2022 đến ngày 02/11/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

3. **Nguyễn Văn C**, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1990; tại: Xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị E; có vợ

là Phạm Thị E1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ 27/10/2022 đến ngày 02/11/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 2003; trú tại: Tổ dân phố M, phường N, thành phố H, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 27/10/2022, tổ công tác của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc kiểm tra, phát hiện Phạm Văn B, Lê Quý A và Nguyễn Văn C có hành vi góp chung tiền cho anh Nguyễn Xuân D thế chấp xe ô tô Mazda CX5 BKS 88A-225.20 vay 350.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay 01 tháng và cắt, thu luôn tiền lãi 30 ngày bằng 42.000.000đ, nên chỉ đưa cho anh D 308.000.000đ. Ngay sau khi anh D nhận số tiền 308.000.000đ thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt quả tang và thu giữ các tang vật gồm: Thu số tiền 308.000.000đ trên tay Nguyễn Xuân D; 01 xe ô tô Mazda CX5 BKS 88A-225.20; 01 giấy mua bán, cho tặng xe ô tô Mazda CX5 BKS 88A-225.20 đề ngày 27/10/2022 bản gốc; 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 hợp đồng công chứng mua, bán xe ô tô BKS 88A-225.20; 01 sổ hộ khẩu bản phô tô của Phạm Văn B và 04 điện thoại các loại của Phạm Văn B, Lê Quý Avà Nguyễn Văn C.

Cùng ngày, cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn B thu giữ 03 xe mô tô BKS 88K1-422.96, 19P1-243.71, 88F8-9583 kèm theo 03 giấy mua bán, tặng cho và 03 đăng ký của 03 xe mô tô này. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Quý A và Nguyễn Văn C không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Căn cứ kết quả điều tra xác định: Do cần tiền mặt để sử dụng cá nhân nên ngày 27/10/2022, anh Nguyễn Xuân D nhờ anh Phạm Văn G, sinh năm 1991, trú tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc liên hệ giúp D để D cầm cố xe ô tô BKS 88A-225.20 vay số tiền khoảng 300.000.000đ đến 400.000.000đ, anh G đồng ý. Do anh G là người cùng thôn với Lê Quý A và biết A có tiền cho vay lãi nên đã gọi điện thoại cho Lê Quý A để giới thiệu cho anh D vay tiền, khi trao đổi qua điện thoại thì Acó nói cho anh D biết là thu lãi 4.000đ/1 triệu/1 ngày. Anh G đã trao đổi lại nội dung này với D và D đồng ý. Do trước đó giữa Hơn, B và C đã có sự thống nhất là nếu có khách vay tiền thì sẽ góp tiền chung cho vay để lấy lãi chia nhau nên Agọi điện cho Nguyễn Văn C rủ C góp tiền cho D vay lấy lãi thì C đồng ý và A bảo C rủ thêm người góp tiền thì C gọi điện cho Phạm Văn B cùng góp tiền cho D vay, B đồng ý. Sau đó A và C đến nhà B, cả ba cùng

bàn bạc, thống nhất góp tiền cho D vay lấy lãi 4.000đ/1 triệu/1 ngày, tiền lãi chia đều cho cả ba. Khoảng 16 giờ cùng ngày Nguyễn Xuân D điều khiển xe ô tô BKS 88A-225.20 chở theo Phạm Văn G và Tạ Văn O, sinh năm 2001 trú tại thị trấn J, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc đến nhà B. Tại đây, D hỏi B, A, C cho D thế chấp xe ô tô vay số tiền 350.000.000đ. Sau khi kiểm tra xe ô tô và giấy tờ xe thì B, A và C đồng ý cho D thế chấp xe ô tô để vay tiền với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay 01 tháng, cắt, thu lãi luôn 01 tháng là 42.000.000đ và chỉ đưa cho D số tiền 308.000.000đ. Các bị cáo yêu cầu D phải viết giấy bán xe ô tô mục đích là nếu D không trả tiền đúng thời hạn thì sẽ bán xe thu tiền về.

Đối với số tiền 308.000.000đ đưa cho D vay thì B góp 108.000.000đ, A và C mỗi người góp 100.000.000đ. Đối với số tiền lãi 42.000.000đ cả ba thống nhất sau khi anh D trả đủ số tiền 350.000.000đ thì sẽ chia đều số tiền lãi cho cả ba, mỗi người được hưởng 14.000.000đ.

Hành vi của Phạm Văn B, Nguyễn Văn C và Lê Quý A góp tiền cho vay số tiền gốc 350.000.000đ với mức lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương 144%/năm (gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự) và thu lãi số tiền 42.000.000 trong đó số tiền lãi hợp pháp là 5.833.000đ, số tiền thu lời bất chính là 36.167.000đ đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự.

Đối với Phạm Văn G là người giới thiệu cho D vay tiền của Hơn, B và C. Mặc dù G biết các bị cáo cho D vay tiền thu lãi 4.000đ/1 triệu/1 ngày nhưng việc thỏa thuận lãi là của bên vay và bên cho vay, G chỉ là người giới thiệu hộ anh D và không được hưởng lợi gì từ việc này, giữa G với các bị cáo không có thỏa thuận và hứa hẹn trước về việc G sẽ được hưởng lợi ích gì từ việc giới thiệu người vay tiền cho các bị cáo do đó Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý đối với Phạm Văn G.

Đối với Tạ Văn O chỉ là người đi cùng D đến nhà B để vay tiền, không liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về vật chứng của vụ án:

Xe ô tô Mazda CX5 BKS 88A-225.20 là xe của Nguyễn Xuân D mua lại của chị Trần Thị Q, sinh năm 1992 trú tại phường Y, thành phố H, tỉnh Vĩnh Phúc từ ngày 12/5/2022, chị Mai đã làm hợp đồng công chứng bán xe ô tô cho D nhưng đến nay D chưa làm thủ tục sang tên chính chủ. Cơ quan điều tra tiến hành tra cứu xác định xe ô tô này không liên quan đến vụ án hoặc hành vi vi phạm pháp luật khác nên ngày 23/11/2022 Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại xe ô tô này cùng 01 đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định của xe cho D.

Đối với 01 giấy mua, bán, cho, tặng xe ô tô ngày 27/10/2022 bản gốc, 01 hợp đồng công chứng mua bán xe ô tô BKS 88A-225.20 và 01 sổ hộ khẩu của Phạm Văn B đều là bản phô tô là vật chứng lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 04 điện thoại thu giữ của các bị cáo, kết quả điều tra xác định: 01 điện thoại Oppo A5 màu đen của Phạm Văn B, 01 điện thoại Iphone XS Max màu vàng của Lê Quý Avà 01 điện thoại Samsung Galaxy A12 màu xanh của Nguyễn Văn C là công cụ các bị cáo sử dụng để bàn bạc, thống nhất việc góp tiền cho vay lãi nặng vào ngày 27/10/2022 nên cần tịch thu, phát mại sung công quỹ Nhà nước. Đối với 01 điện thoại di động Samsung Galaxy M51 màu đen của Lê Quý A không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Lê Quý A.

Đối với 03 xe mô tô BKS 88K1-422.96, 19P1-243.71, 88F8-9583 kèm theo 03 giấy mua bán, tặng cho và 03 đăng ký của 03 xe mô tô này thu giữ khi khám xét nơi ở của Phạm Văn B, kết quả điều tra xác định đây là những xe mô tô B mua về sửa chữa lại để bán kiếm lời do bản thân B làm nghề sửa chữa xe mô tô và không liên quan đến vụ án cũng như hành vi vi phạm khác nên Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trả lại những xe mô tô này cùng giấy tờ có liên quan cho Phạm Văn B.

Quá trình điều tra, Phạm Văn B đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 xe mô tô BKS 19F1-329.08 là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn G nêu trên, ngày 19/10/2022, do cần tiền tiêu nên anh G đã thế chấp xe mô tô này cho Phạm Văn B để vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất 2.500đ/1 triệu/1 ngày, B không cắt lãi trước, đến ngày 27/10/2022, anh G chưa trả tiền gốc là vãi cho B. Ngày 17/12/2022, anh G đã trả cho B số tiền 10.000.000đ, B tự nguyện không tính lãi. Xét thấy hành vi của B cho anh G vay 10.000.000đ với lãi suất 2.500đ/1 triệu/1 ngày tương đương 91,25%/năm chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật, xe mô tô BKS 19F1-329.08 không phải là vật chứng của vụ án nên Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô và đăng ký xe cho anh G.

Đối với số tiền 308.000.000đ là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Quá trình điều tra, các bị cáo tự nguyện giao nộp mỗi người 14.000.000đ để khắc phục hậu quả là tiền lãi các bị cáo sẽ được hưởng sau khi anh D trả tiền, tuy nhiên số tiền này anh D chưa trả cho các bị cáo do vậy cần trả lại cho các bị cáo số tiền này.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKS-P1 ngày 16/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố: Phạm Văn B, Lê Quý A và Nguyễn Văn C về tội: *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*, theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi

phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn B, Lê Quý A và Nguyễn Văn C về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (Bị cáo Aáp dụng thêm khoản 2 Điều 51); Điều 17, Điều 35 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt: Phạm Văn B và Nguyễn Văn C từ 100.000.000đ đến 120.000.000đ; phạt Lê Quý A từ 120.000.000đ đến 150.000.000đ.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, đề nghị:

- Tịch thu phát mại sung công: 01 điện thoại Oppo A5 màu đen của Phạm Văn B, 01 điện thoại Iphone XS Max màu vàng của Lê Quý A và 01 điện thoại Samsung Galaxy A12 màu xanh của Nguyễn Văn C.

- Trả lại Lê Quý A01 điện thoại di động Samsung Galaxy M51 màu đen. Trả lại các bị can Phạm Văn B, Lê Quý A và Nguyễn Văn C mỗi bị cáo 14.000.000 đồng, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền: 308.000.000đ là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng, do nhận thức pháp luật hạn chế nên đã vi phạm, sau khi phạm tội rất ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng mức phạt tiền thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo Lê Quý A, Phạm Văn B và Nguyễn Văn C đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tình tiết khách quan đã được cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Như vậy, Hội đồng xét xử một lần nữa có đủ cơ sở kết luận về hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Sau khi Lê Quý A nhận được thông tin có người vay tiền, Lê Quý A đã bàn với Phạm Văn

B, Nguyễn Văn C góp tiền để cho vay lãi. Khoảng 17 giờ ngày 27/10/2022, Lê Quý A, Phạm Văn B và Nguyễn Văn C góp chung tiền cho anh Nguyễn Xuân D thế chấp xe ô tô Mazda CX5 BKS 88A-225.20 vay 350.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay 01 tháng và cắt, thu luôn tiền lãi 30 ngày bằng 42.000.000đ, nên chỉ đưa cho anh D 308.000.000đ. Ngay sau khi anh D nhận số tiền 308.000.000đ thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt quả tang và thu giữ các tang vật gồm: Thu số tiền 308.000.000đ trên tay Nguyễn Xuân D; 01 xe ô tô Mazda CX5 BKS 88A-225.20; 01 giấy mua bán, cho tặng xe ô tô Mazda CX5 BKS 88A-225.20 đề ngày 27/10/2022 bản gốc; 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 hợp đồng công chứng mua, bán xe ô tô BKS 88A-225.20; 01 sổ hộ khẩu bản phô tô của Phạm Văn B và 04 điện thoại các loại của Phạm Văn B, Lê Quý A và Nguyễn Văn C.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lê Quý A, Phạm Văn B và Nguyễn Văn C phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

"*1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong bộ luật dân sự thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ..., thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm".*

[4] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Quý A, Phạm Văn B và Nguyễn Văn C đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng. Bị cáo Lê Quý A, Phạm Văn B và Nguyễn Văn C có hành vi góp tiền để cho vay tổng số tiền là 350.000.000đ với mức lãi suất là 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương với 144%/1 năm (Cao gấp hơn 5 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định) số tiền lãi Lê Quý A, Phạm Văn B và Nguyễn Văn C thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 36.176đ. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo Lê Quý A, Phạm Văn B và Nguyễn Văn C trước khi phạm tội có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

- Về tình tiết tăng nặng: Không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra các bị cáo Lê Quý A, Phạm Văn B và Nguyễn Văn C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Acó bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy bị cáo Lê Quý A, Phạm Văn B và Nguyễn Văn C cho vay với mức lãi suất cao để thu lợi bất chính từ việc cho vay, tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nên cần áp dụng mức phạt tiền đối với bị cáo như Viện kiểm sát đề xuất cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

- Tịch thu phát mại sung công: 01 điện thoại Oppo A5 màu đen của Phạm Văn B, 01 điện thoại Iphone XS Max màu vàng của Lê Quý Avà 01 điện thoại Samsung Galaxy A12 màu xanh của Nguyễn Văn C.

- Tịch thu sung công số tiền: 308.000.000đ là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại Lê Quý A 01 điện thoại di động Samsung Galaxy M51 màu đen.

Đối với số tiền 5.833.000đ là tiền thu lãi trong mức lãi suất theo quy định của pháp luật (20%/năm) theo quy định phải tịch thu sung quỹ Nhà nước và 36.167.000đ là số tiền lãi thu vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật (20%/năm), theo quy định cần buộc Phạm Văn B, Lê Quý A và Nguyễn Văn C phải trả lại cho Nguyễn Xuân D. Tuy nhiên trong vụ án này các bị cáo bị phát hiện bắt quả tang, không tịch thu và buộc các bị cáo phải trả lại cho người liên quan Nguyễn Xuân D.

- Trả lại các bị cáo Lê Quý A, Phạm Văn B và Nguyễn Văn C mỗi người 14.000.000 đồng nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Quý A, Phạm Văn B và Nguyễn Văn C phải nộp 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Lê Quý A, Phạm Văn B và Nguyễn Văn C phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt: Lê Quý A 100.000.000đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt: Phạm Văn B và Nguyễn Văn C mỗi bị cáo 80.000.000đ.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu phát mại sung công: 01 điện thoại Oppo A5 màu đen của Phạm Văn B, 01 điện thoại Iphone XS Max màu vàng của Lê Quý Avà 01 điện thoại Samsung Galaxy A12 màu xanh của Nguyễn Văn C.

- Tịch thu sung công số tiền: 308.000.000đ là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại Lê Quý A 01 điện thoại di động Samsung Galaxy M51 màu đen nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Trả lại các bị cáo Lê Quý Hơn, Phạm Văn B và Nguyễn Văn C mỗi người 14.000.000 đồng nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Lê Quý A, Phạm Văn B và Nguyễn Văn C phải nộp 200.000đ.

Bị cáo Lê Quý A, Phạm Văn B và Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS + HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Đỗ Anh Cường